FireAnt

CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (UPCOM: TH1)

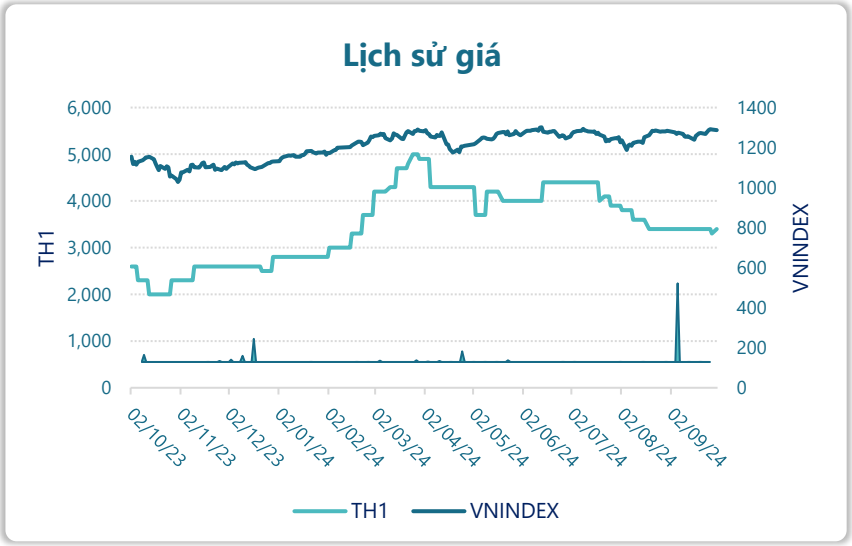

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,000
SL cổ phiếu LH	13,539,226
KLGD BQ 20 phiên (CP)	550
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	46
P/E	0.9
EPS	3,816

DT thuần

Q3/24

143

tỷ VNĐ

QoQ: ▼72.0| -33.4%

YoY: ▲ 32.0| 29.0%

LN sau thuế

Q3/24

8.51

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.89| -40.9%

YoY: ▼16.4| -65.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

8.3%

+/- YoY: ▼ 20.8%

DT thuần

9T 2024

490

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 218| 80.1%

LN sau thuế

9T 2024

27.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.30| 51.8%

ROE

Q3/24

502%

+/- YoY: ▲ 585%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

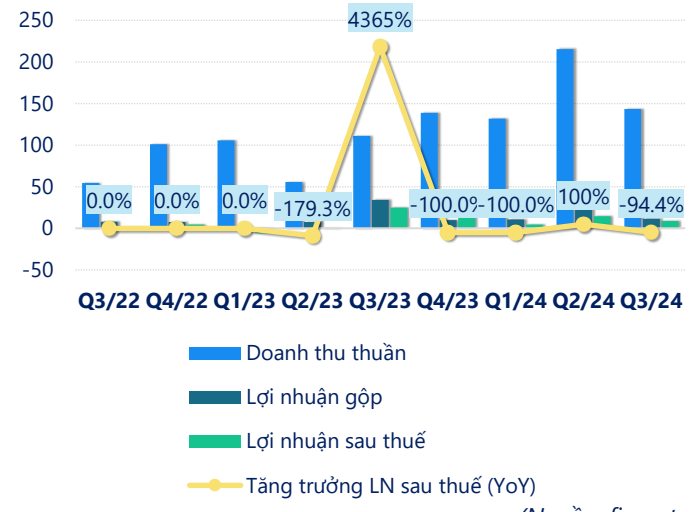

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

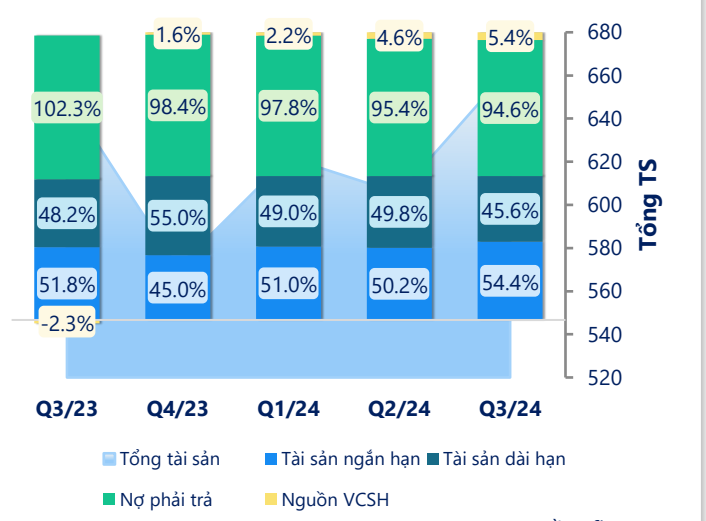

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

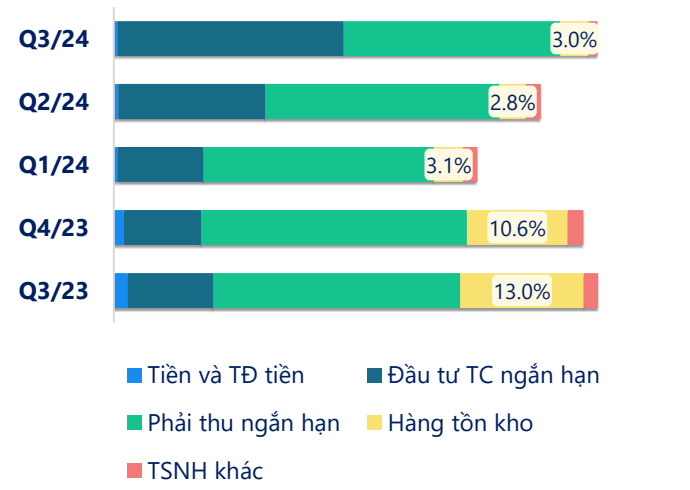

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

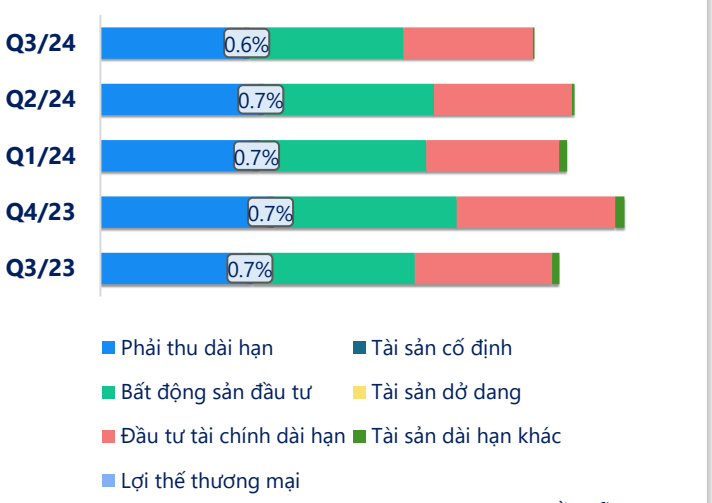

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

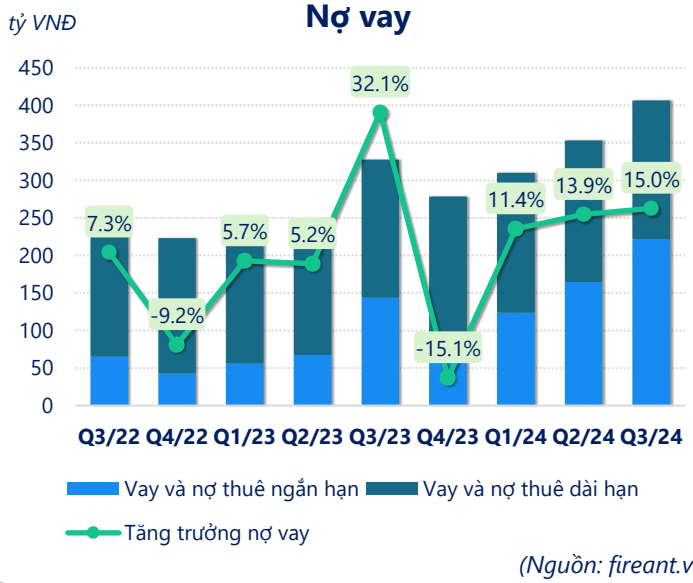

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

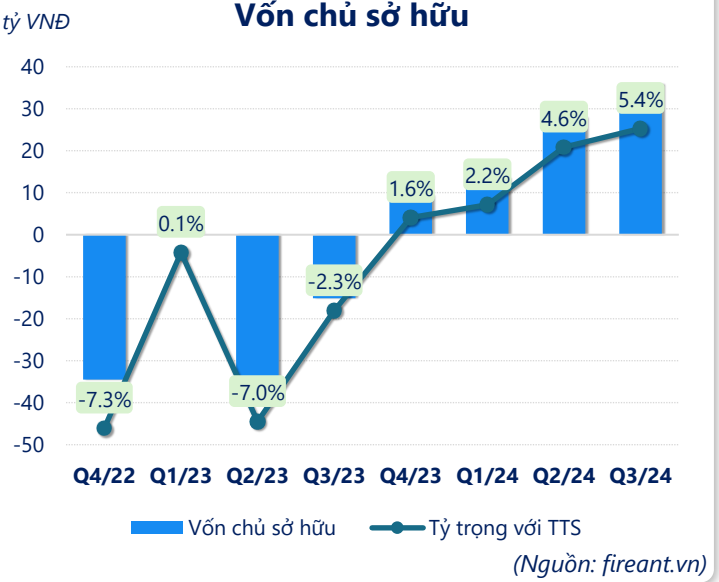

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

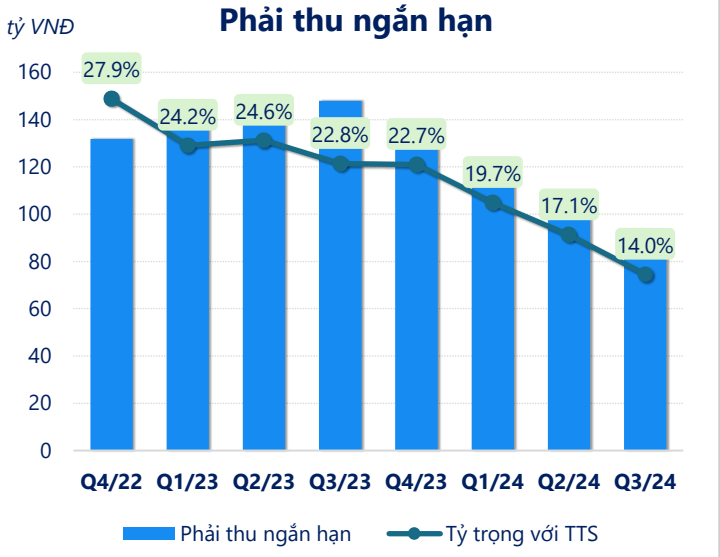

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

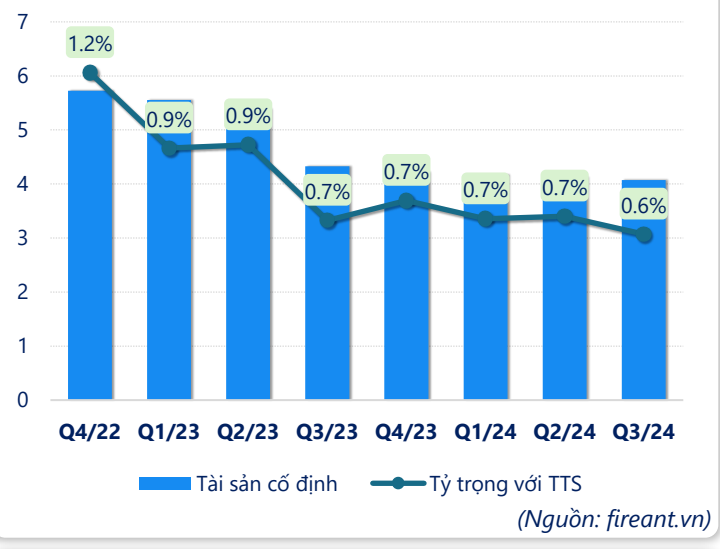

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

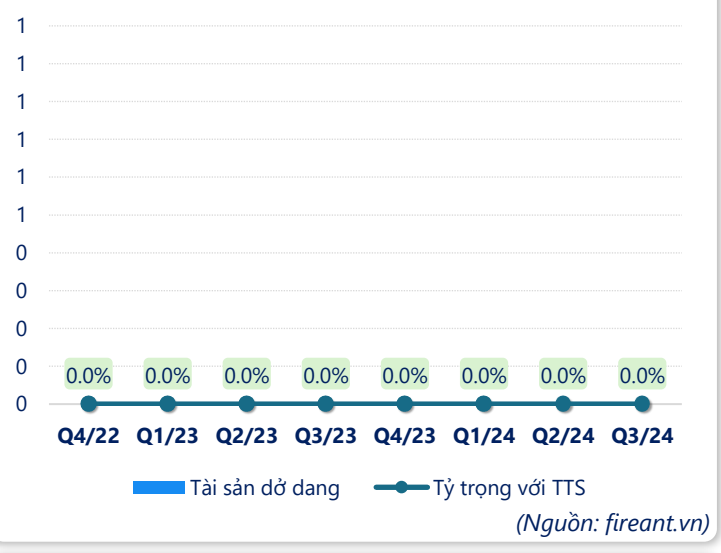

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

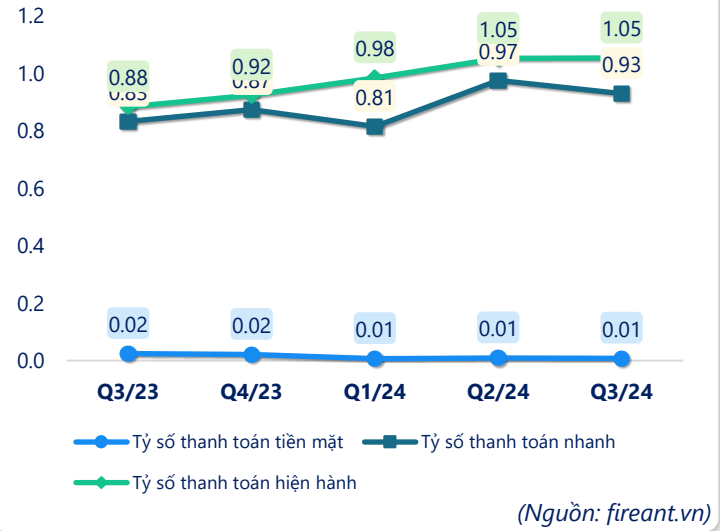

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

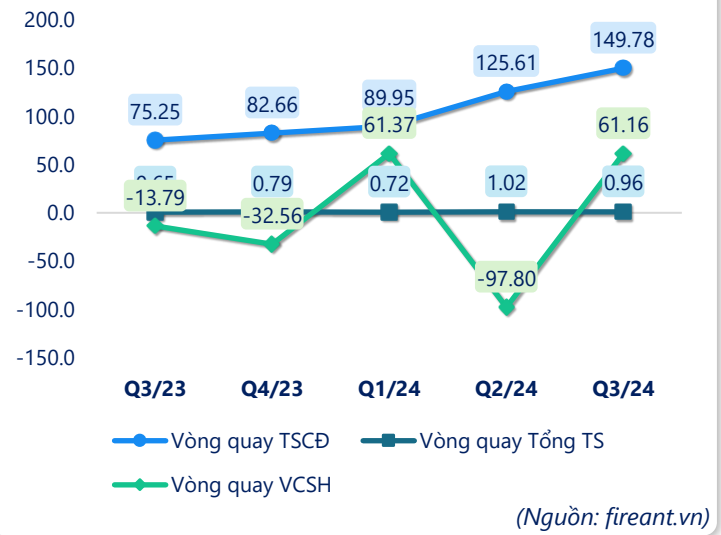

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**650**	**571**	**622**	**605**	**663**
Tài sản ngắn hạn	**337**	**257**	**317**	**304**	**361**
Tiền và tương đương tiền	9.38	5.95	2.21	2.77	2.87
Đầu tư tài chính ngắn hạn	154	102	132	170	218
Phải thu ngắn hạn	148	130	122	104	92.7
Hàng tồn kho	19.3	14.1	54.5	22.1	42.3
Tài sản ngắn hạn khác	6.09	5.63	5.59	5.41	5.18
Tài sản dài hạn	**313**	**314**	**305**	**301**	**302**
Phải thu dài hạn	99.8	99.8	99.8	99.8	99.8
Tài sản cố định	4.33	4.22	4.17	4.12	4.07
Bất động sản đầu tư	110	110	109	108	107
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	93.7	95.0	86.8	87.6	90.0
Tài sản dài hạn khác	5.07	5.60	5.26	1.57	1.28
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**665**	**562**	**609**	**577**	**628**
Nợ ngắn hạn	**381**	**278**	**322**	**289**	**343**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	144	94.6	124	165	221
Phải trả người bán ngắn hạn	16.5	19.4	21.2	17.2	17.0
Nợ dài hạn	284	284	286	288	285
Vay và nợ thuê dài hạn	184	184	186	188	185
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-15.2**	**9.24**	**13.4**	**27.8**	**35.7**
Vốn chủ sở hữu	**-15.2**	**9.24**	**13.4**	**27.8**	**35.7**
Vốn điều lệ	135	135	135	135	135
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)